

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 11 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Xuân.

Bà Triệu Thị Hồng Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Duy Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Mã Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2019/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Linh Thị V, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn R, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Quốc T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn R, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 21/6/2019, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Linh Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Quốc T kết hôn từ năm 2005, có được tìm hiểu, yêu thương, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện

H, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng liên tục nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên gây sự đánh đập chị. Từ tháng 5/2019 đến nay vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau, tuy nhiên anh T vẫn luôn tìm cách gây sự đe dọa chị. Nay chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh T nữa, chị xin được ly hôn với anh.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có 02 con chung là Đặng Hoài A, sinh ngày 11/6/2006 và Đặng Quang M, sinh ngày 05/11/2012. Hiện nay hai con đang ở cùng với anh T, khi làm đơn khởi kiện chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh T được nuôi cả hai con, nhưng nay anh T yêu cầu chị nuôi một con, chị nhất trí, chị xin nhận nuôi cháu Đặng Hoài A, sinh ngày 11/6/2006, để anh T nuôi cháu Đặng Quang M, sinh ngày 05/11/2012, anh chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cháu Đặng Hoài A do bị khuyết tật từ bé nên khả năng nhận thức bị hạn chế, không nói được rõ ràng, cháu hiện nay vẫn đang được Quỹ bảo trợ trẻ em hỗ trợ mỗi tháng 540.000đ/tháng

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Trong bản tự khai ngày 19/7/2019, anh Đặng Quốc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Linh Thị V kết hôn từ năm 2005, có được tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc, đến ngày 02/5/2019 anh có bắt được cuộc gọi từ số lạ đến máy điện thoại của chị V, anh có đưa chị V xuống bên ngoài và nói rõ cho gia đình chị V biết. Bên nhà chị V đã khuyên nhủ anh vì con tha thứ cho chị V. Tuy nhiên, anh đi làm được 10 ngày về nhà thì chị V đã bỏ nhà đi, từ đó đến nay không về nhà, ngoài ra, vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì hết. Nay chị V xin ly hôn với anh, anh vẫn còn tình cảm nên không đồng ý, đề nghị vợ chồng đoàn tụ.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có 02 con chung là Đặng Hoài A, sinh ngày 11/6/2006 và Đặng Quang M, sinh ngày 05/11/2012. Hiện nay hai con đang ở cùng với anh, khi ly hôn anh yêu cầu Tòa án giải quyết chị V nuôi cháu Đặng Hoài A, sinh ngày 11/6/2005, để anh nuôi cháu Đặng Quang M, sinh ngày 05/11/2012, anh chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đặng Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa anh T đều vắng mặt, không có lý do. Do không thể thỏa thuận, giải quyết được nội dung vụ án nên Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo trình tự tố tụng và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, đúng mối quan hệ pháp luật; việc thu thập chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đúng trình tự và đầy đủ; việc tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật; bị đơn không có mặt theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án vi phạm các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ tố tụng của đương sự và bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Linh Thị V, cho chị V được ly hôn với anh T .

- Về con chung: Căn cứ Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Đặng Hoài A, sinh ngày 11/6/2006 cho chị Linh Thị V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Đặng Quang M, sinh ngày 05/11/2012 cho anh Đặng Quốc T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị V và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Linh Thị V có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung nên xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Đặng Quốc T có địa chỉ tại Thôn R, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở để khẳng định: Năm 2005 chị Linh Thị V và anh Đặng Quốc T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Cuộc sống chung của chị V và anh T hạnh phúc được một thời gian, sau đó đến tháng 5 năm 2019 bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T nghi ngờ chị V có quan hệ ngoại tình, mặc dù chị V đã cố gắng giải thích cho anh T nhưng anh vẫn không tin chị, cho rằng chị có quan hệ với người khác, vợ chồng chung sống với nhau nhưng anh T luôn nghi ngờ, không tin tưởng chị và còn gây sự đánh đập chị, do lo sợ nên chị đã phải bỏ trốn về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Anh T cho rằng vẫn còn tình cảm với chị V và yêu cầu về đoàn tụ nhưng anh vẫn luôn nghi ngờ chị V, không tin tưởng chị, không có biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng kéo dài. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận, tin tưởng, thương yêu nhau. Tuy nhiên, chị V và anh T không tin tưởng nhau, tình cảm vợ chồng giữa chị V và anh T không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã nghiêm trọng không thể khắc phục đoàn tụ vợ chồng. Do đó yêu cầu ly hôn của chị V là có cơ sở, cần được chấp nhận để giải phóng cho cả hai bên. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Linh Thị V. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị V và anh T có 02 con chung là Đặng Hoài A, sinh ngày 11/6/2006 và Đặng Quang M, sinh ngày 05/11/2012. Hiện nay hai con đang ở cùng với anh T, khi ly hôn chị V và anh T đều có nguyện vọng giống nhau là yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị V được quyền nuôi cháu Đặng Hoài A, sinh ngày 11/6/2006, để anh T được quyền nuôi cháu Đặng Quang M, sinh ngày 05/11/2012 cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi, anh chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cháu Đặng Hoài A đã trên 07 tuổi, tuy nhiên do bị khuyết tật từ bé nên khả năng nhận thức bị hạn chế, không nói được rõ ràng, cháu đang được Quỹ bảo trợ trẻ em hỗ trợ mỗi tháng 540.000đ/tháng. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị V được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Đặng Hoài A, sinh ngày 11/6/2006, anh T được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Đặng Quang M, sinh ngày 05/11/2012 cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi anh chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị Linh Thị V phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Linh Thị V - Xử cho nguyên đơn chị Linh Thị V được ly hôn với bị đơn anh Đặng Quốc T.

2. Về con chung:

Giao cháu Đặng Hoài A, sinh ngày 11/6/2006 cho chị Linh Thị V được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Giao cháu Đặng Quang M, sinh ngày 05/11/2012 cho anh Đặng Quốc T được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Anh T và chị V không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Linh Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm đề sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Hải đã nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2016/00001066, ngày 02 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- UBND xã Đ;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Tuyết

